

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 10 năm 2015

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 8341
	Ngày: 21.10.15
	Chuyên

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về quản lý giá
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 11TTr-STC ngày 13/10/2015 về việc ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 178/BC-STP ngày 09/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 21/02/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các P.N/cứu;
- Trung tâm Công báo và Tin học;
- Lưu: VT, P.KTTHhtlv99.



Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

Về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gồm các lĩnh vực: bình ổn giá; định giá của Nhà nước; hiệp thương giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá; kê khai giá; niêm yết giá; cơ sở dữ liệu về giá.

2. Những nội dung quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Luật Giá, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (gọi tắt là Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ) và Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (gọi tắt là Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính) và các quy định khác của Trung ương và của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi.
2. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (trừ khi Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định khác).

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về giá

1. Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giá phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.
2. Triển khai, công bố và áp dụng các biện pháp bình ổn giá tại địa phương.
3. Tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu và theo quy định của pháp luật.
4. Kiểm tra các yếu tố hình thành giá, chi phí sản xuất theo quy định của pháp luật về giá.

5. Thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý giá; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giá theo thẩm quyền.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ

Điều 4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, điều kiện áp dụng và thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo qui định tại Điều 15 của Luật Giá và Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

2. Điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá: Thực hiện theo qui định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

3. Thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá: Thực hiện theo qui định tại khoản 6, Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Điều 5. Thực hiện đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ; cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá

1. Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện đăng ký giá bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo phân công tại khoản 3 Điều này. Việc đăng ký giá được thực hiện theo qui định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1, Điều 6 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Đối với tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và

mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính hoặc Sở Y tế hoặc UBND huyện, thành phố theo qui định tại khoản 3 Điều này sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Phân công cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ do cơ quan quản lý nhà nước tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Sở Y tế chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các mặt hàng là thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng trong các cơ sở khám chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế do cơ quan quản lý nhà nước tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ do cơ quan quản lý nhà nước huyện, thành phố cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh.

4. Cách thức thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo qui định tại khoản 1, khoản 3, Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính. Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

5. Quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo qui định tại Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

7. Sở Tài chính phối hợp với các ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá trên địa bàn theo đúng quy định.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh tham mưu UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 6. Trình tự, quy trình, nội dung thẩm định phương án giá, hồ sơ phương án giá và thời hạn thẩm định phương án giá, quyết định giá

1. Trình tự, quy trình thẩm định phương án giá

a) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập hồ sơ phương án giá theo lĩnh vực được phân công có trách nhiệm lập hồ sơ phương án giá gửi cơ quan chủ quản (trong trường hợp đơn vị trực thuộc lập hồ sơ phương án giá) xem xét thống nhất, lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố; trên cơ sở đó tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh lại phương án và có văn bản kèm theo hồ sơ phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định.

b) Sau khi nhận đầy đủ Hồ sơ phương án giá theo quy định tại điểm a, khoản này, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá.

Căn cứ vào nội dung phương án giá và loại hàng hóa, dịch vụ, Sở Tài chính tự tổ chức thẩm định hoặc mời các Sở, ngành có liên quan tham gia thẩm định.

c) Trên cơ sở kết quả thẩm định giá, Sở Tài chính có văn bản thông báo kết quả thẩm định đến cơ quan, đơn vị để hoàn thiện Hồ sơ phương án giá. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công theo quy định tại khoản 1, Điều 7 của Quy định này, Sở Tài chính hoặc Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ phương án giá và nội dung phương án giá

a) Hồ sơ phương án giá được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

b) Nội dung chính của phương án giá thực hiện theo quy định chi tiết tại khoản 3, Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

3. Nội dung thẩm định phương án giá, hồ sơ trình UBND tỉnh quyết định giá và thời hạn thẩm định phương án giá, quyết định giá

a) Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định toàn bộ các nội dung có liên quan trong phương án giá; trong đó, cần thẩm định rõ đối với từng khoản mục chi phí, tính khả thi của mức giá khi ban hành và những kiến nghị, đề xuất (nếu có).

b) Hồ sơ phương án giá trình UBND tỉnh xem xét, quyết định bao gồm các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

c) Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

4. Đối với việc thẩm định Bảng giá đất, giá đất cụ thể được thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc thẩm

định giá hàng hóa, dịch vụ khác, nếu cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá, Hội đồng định giá thì được thực hiện theo quyết định đó. Giá các hàng hóa, dịch vụ do Sở Tài chính chủ trì xây dựng trình UBND tỉnh thì không tổ chức thẩm định.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định giá; phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án giá, quy định giá trên cơ sở tham mưu, đề xuất của các sở, ngành sau:

a) Giá đất:

- Bảng giá đất (Áp dụng cho thời kỳ 5 năm): Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng Bảng giá đất hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá khảo sát, điều tra, xây dựng Bảng giá đất gửi Thường trực Hội đồng thẩm định Bảng giá đất để Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua trước khi ban hành và công bố.

- Giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp so sánh trực tiếp, phương pháp chiết trừ, phương pháp thu nhập, phương pháp thặng dư: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố (nơi có đất định giá) xây dựng phương án giá hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá khảo sát, điều tra, xây dựng phương án giá, gửi Thường trực Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Giá đất cụ thể được xác định bằng phương pháp hệ số để tính bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố (nơi có dự án) xây dựng phương án giá hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá khảo sát, điều tra, xây dựng phương án giá gửi Thường trực Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho từng dự án cụ thể hoặc thực hiện theo quy định riêng của UBND tỉnh về giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ.

- Giá đất cụ thể được xác định bằng phương pháp hệ số để áp dụng cho các trường hợp theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng phương án hệ số điều chỉnh giá hàng năm, trình UBND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có

ý kiến thống nhất trước khi ban hành.

- Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; giá đất tái định cư: Thực hiện theo quy định riêng của UBND tỉnh.

b) Mức tỷ lệ (%) để xác định đơn giá cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước và đơn giá cho thuê mặt nước: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng quy định mức tỷ lệ (%) để xác định đơn giá cho thuê đất, đơn giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Giá rừng sản xuất và rừng phòng hộ thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố (nơi có rừng) xây dựng phương án giá, xác định giá rừng, giá cho thuê các loại rừng gửi Sở Tài chính thẩm định; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua, trên cơ sở đó UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án và quy định giá rừng, giá cho thuê rừng.

d) Giá cho thuê, mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước để làm việc hoặc sử dụng vào mục đích khác: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan xây dựng phương án giá, xác định giá cho thuê, giá bán trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính. Riêng đối với quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước đã giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi quản lý thì phương án giá cho thuê nhà do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi xây dựng, gửi Sở Xây dựng; Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Giá nước sạch cho sinh hoạt và cho mục đích khác: Các tổ chức, cơ quan, đơn vị có chức năng kinh doanh, cung cấp nước sạch dùng cho sinh hoạt và cho mục đích khác xây dựng phương án giá và giá nước sạch sinh hoạt, lấy ý kiến tham gia của Sở Xây dựng (đối với nước sạch tại đô thị), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với nước sạch tại nông thôn), gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án giá nước sạch và quy định giá nước sạch dùng cho sinh hoạt. Riêng các cơ quan, đơn vị có chức năng kinh doanh, cung cấp nước sạch tại nông thôn do UBND các xã, huyện quản lý thì UBND huyện là cơ quan lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi hồ sơ phương án giá đến Sở Tài chính.

e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ

nguồn ngân sách địa phương: Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan xây dựng phương án giá, xác định giá cho thuê tài sản Nhà nước trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật: Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan xây dựng phương án giá, xác định giá cụ thể trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

h) Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố (đối với các cơ sở giáo dục thuộc huyện, thành phố quản lý theo phân cấp) xây dựng phương án giá, xác định giá dịch vụ gửi Sở Tài chính thẩm định, Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn chỉnh tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, làm cơ sở cho UBND tỉnh quy định giá hoặc trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về thẩm quyền quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại thời điểm quy định giá.

i) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và các sở, ngành có liên quan xây dựng phương án giá, xác định giá dịch vụ gửi Sở Tài chính thẩm định, Sở Y tế hoàn chỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để làm cơ sở cho UBND tỉnh quy định giá hoặc trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về thẩm quyền quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại thời điểm quy định giá.

k) Giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô, cước vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy được thanh toán từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng phương án giá cước trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

l) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố (nơi được hưởng chính sách trợ giá, trợ cước) xây dựng phương án giá trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

m) Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe: Các đơn vị kinh doanh khai thác bến xe xây dựng phương án giá dịch vụ trình Sở Giao thông vận tải tham gia ý kiến, gửi

Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

n) Giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng giá trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

o) Giá bồi thường cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng giá trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

p) Giá các hàng hóa, dịch vụ khác thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh: Thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt giá theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó hoặc theo văn bản chỉ đạo riêng của UBND tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố: Quyết định giá khởi điểm hoặc giá bán tài sản thanh lý, tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở phân lô theo phân cấp của UBND tỉnh tại các quyết định hoặc tại các văn bản của cấp có thẩm quyền có liên quan.

Điều 8. Điều chỉnh mức giá do UBND tỉnh quyết định

1. Điều kiện thực hiện điều chỉnh giá: Khi các yếu tố hình thành giá có biến động làm ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống thì UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, điều chỉnh giá kịp thời.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh định giá quy định tại khoản 1, Điều 7 của Quy định này có quyền kiến nghị UBND tỉnh và cơ quan trình UBND tỉnh quyết định giá điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật, nhưng phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Trình tự, thời hạn điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì UBND tỉnh phải trả lời bằng văn bản. Cơ quan trình UBND tỉnh quyết định giá có trách nhiệm tham mưu, đề xuất UBND tỉnh về văn bản trả lời.

5. Việc điều chỉnh giá đất được thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ, KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 9. Hiệp thương giá

1. Sở Tài chính là cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có văn bản chỉ đạo yêu cầu hiệp thương giá của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc khi có văn bản đề nghị hiệp thương giá của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn khi các bên này không thỏa thuận được giá mua, giá bán.

b) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục do nhà nước định giá.

c) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc thị trường cạnh tranh hạn chế, có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc các bên mua, bên bán phụ thuộc lẫn nhau không thể thay thế được.

2. Hồ sơ hiệp thương giá, thủ tục và trình tự hiệp thương giá; trách nhiệm của Sở Tài chính trong việc tổ chức hiệp thương: Thực hiện theo qui định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10, Điều 11 và hướng dẫn tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Điều 10. Kiểm tra các yếu tố hình thành giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá cả có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá, trình tự, thời hạn kiểm tra yếu tố hình thành giá: Thực hiện theo qui định tại Điều 13 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. Các tài liệu phục vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện theo qui định tại khoản 2, Điều 12 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

3. Các biện pháp xử lý vi phạm: Căn cứ kết quả kiểm tra và tùy theo mức độ vi phạm, Sở Tài chính quyết định hoặc tham mưu UBND tỉnh quyết định xử lý hành vi vi phạm theo một trong các hình thức sau:

a) Xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và những quy định của pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo và tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo qui định của pháp luật.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm tham gia với tư cách là cơ quan phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Bộ Trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá cả có biến động bất thường theo yêu cầu của Bộ Trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Mục 4

KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 11. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; đối tượng kê khai giá và cơ quan tiếp nhận

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá, gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ theo qui định tại khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

b) Cước vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường biển tuyến Sa Kỳ-Lý Sơn và ngược lại.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Đối với tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính hoặc Sở Y tế hoặc UBND huyện, thành phố theo qui định tại khoản 3 Điều này sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

c) Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá không thực hiện kê khai giá mà thực hiện đăng ký giá theo quy định tại Điều 5 của Quy định này. Hết thời gian nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá, trước khi điều chỉnh giá tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá tiếp tục thực hiện kê khai giá theo quy định tại Điều này.

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải thực hiện kê khai giá có trách nhiệm thực hiện việc kê khai giá bằng việc gửi thông báo mức giá kê khai đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định tại khoản 3 Điều này tiếp nhận thông báo kê khai giá trước khi định giá, điều chỉnh giá ít nhất 05 ngày. Giá kê khai thực hiện theo qui định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1, Điều 16 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

3. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá do cơ quan quản

lý nhà nước tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Sở Y tế chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi theo qui định và hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện, thành phố chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá của hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá do cơ quan quản lý nhà nước huyện, thành phố cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh.

d) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

4. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

5. Cách thức thực hiện, quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá; quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo qui định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

6. Văn bản kê khai giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Điều 12. Niêm yết giá

1. Địa điểm thực hiện niêm yết giá, cách thức niêm yết giá: Thực hiện theo qui định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

2. Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành và Phòng Tài chính- Kế hoạch các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện niêm yết giá và bán theo giá niêm yết theo qui định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành và của tỉnh.

2. Nội dung cơ sở dữ liệu, nguồn thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ

liệu, quản trị, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính về cơ sở dữ liệu về giá.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh

1. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh Quảng Ngãi trong việc thực hiện bình ổn giá, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung theo qui định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 3, Điều 3 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và đôn đốc kiểm tra việc thực hiện của các ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; tổ chức thanh tra, kiểm tra giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá thành, giá bán hàng hóa khi có yêu cầu; thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về giá theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

d) Theo dõi, thu thập, phân tích thông tin và dự báo về giá cả thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo qui định.

2. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này; triển khai và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, biện pháp, các quyết định về giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý ngành và địa bàn quản lý.

b) Phối hợp cùng Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; tham gia cùng Sở Tài chính trong việc thanh tra giá thuộc lĩnh vực quản lý ngành và địa bàn quản lý.

3. Phòng Tài chính-Kế hoạch các huyện, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện hoặc tham mưu UBND huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này.

b) Theo dõi, thu thập phân tích thông tin và dự báo về giá cả thị trường

đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn quản lý; báo cáo UBND huyện, thành phố và Sở Tài chính khi có yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Sở Tài chính.

4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm tuân thủ đúng các qui định về quản lý giá tại Quy định này và các qui định của pháp luật về giá.

b) Mọi công dân đều có quyền và trách nhiệm giám sát, phản ánh việc tuân thủ pháp luật về giá của các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến các cơ quan có thẩm quyền.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Trần Ngọc Căng